

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý của ngành Công thương trên địa bàn tỉnh Hà Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Hà Nam tại tờ trình số 1153/TTr-SCT ngày 17 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý của ngành Công thương trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ một số thủ tục hành chính tại Quyết định số: 564/QĐ-UBND và 565/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính, danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Công Thương tỉnh Hà Nam; Bãi bỏ 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Công thương tại Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ - Cục KSTTHC (để b/c);
- TTTU, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VNPT tỉnh Hà Nam;
- VPUB: LĐVP, KSTT, TTPVHCC, KGVX (D);
- Lưu: VT, KSTT (P)

CHỦ TỊCH

Trương Quốc Huy

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực quản lý năng lượng					
1		Thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (công trình năng lượng)	08 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Thu phí theo quy định của Bộ Tài chính	- Nghị định của Chính Phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
2		Thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở / điều chỉnh thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở (công trình năng lượng)	- 13 ngày làm việc đối với cấp điện áp 110kV và 35kV. - 8 ngày	Trung tâm hành chính công tỉnh Hà Nam	Thu phí theo quy định của Bộ Tài chính	- Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp

			làm việc đối với cấp điện áp đến 22kV.			công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; số 11/2021/TT- BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.
3		Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc Bộ Công Thương, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không thu phí	
II	Lĩnh vực Điện					
4	2.000621	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	03 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh		- Nghị định của Chính phủ số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an
5	2.000643	Cấp lại thẻ an toàn điện	02 ngày làm việc			
6	2.000638	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	03 ngày làm việc			

						toàn diện; - Thông tư số 05/2021/TT-BTC ngày 02/8/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.
III	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước					
7	2.000674	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: + Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh là 1.200.000 đồng/giấy phép + Tại các khu vực khác là 600.000 đồng/Giấy phép	+ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu + Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
8	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Lệ phí (trong trường hợp thẩm định): + Thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/giấy phép + Khu vực khác: 600.000 đồng/giấy phép - Lệ phí: (Trong trường hợp không thẩm định): không thu	+ Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số
9	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ	05 ngày	Trung	- Trường hợp cấp Giấy do bị mất,	

		điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	làm việc	tâm phục vụ hành chính công tỉnh	cháy, tiêu hủy: Không thu phí - Trường hợp cấp do Giấy hết hiệu lực thi hành + Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh là 1.200.000 đồng/giấy phép + Tại các khu vực khác là 600.000 đồng/Giấy phép	83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. + Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/ 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
10	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: + Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh là 1.200.000 đồng/giấy phép + Tại các khu vực khác là 600.000 đồng/Giấy phép	
11	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Lệ phí (trong trường hợp thẩm định): + Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh là 1.200.000 đồng/giấy phép + Tại các khu vực	+ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. + Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

					khác là 600.000 đồng/Giấy phép	+ Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
12	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Lệ phí đối với trường hợp cấp Giấy do bị mất, cháy, tiêu hủy: Không thu phí Lệ phí: đối với trường hợp cấp do Giấy hết hiệu lực thi hành + Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh là 1.200.000 đồng/giấy phép + Tại các khu vực khác là 600.000 đồng/Giấy phép	+ Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
13	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	06 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: + Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh là 1.200.000 đồng/giấy phép + Tại các khu vực khác là 600.000 đồng/Giấy phép	+ Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/ 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
14	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	04 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành	- Lệ phí (trong trường hợp thẩm định):	

				chính công tỉnh	+ Thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/giấy phép + Khu vực khác: 600.000 đồng/giấy phép - Lệ phí: (Trong trường hợp không thẩm định): không thu phí
15	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Lệ phí đối với trường hợp cấp Giấy do bị mất, cháy, tiêu hủy: Không thu phí Lệ phí: đối với trường hợp cấp do Giấy hết hiệu lực thi hành + Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh là 1.200.000 đồng/giấy phép + Tại các khu vực khác là 600.000 đồng/Giấy phép

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Khai thác mỏ và chế biến khoáng sản	
1	Thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ thuộc nhóm B, C	Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng thay thế Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
2	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình mỏ lộ thiên	
II	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	
3	Thủ tục chấm dứt hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tự quyết định chấm dứt hoạt động mua bán hàng hóa, thời hạn kinh doanh trên giấy phép kinh doanh hết hiệu lực mà không đề nghị cấp mới; thời hạn của giấy phép lập cơ sở bán lẻ hết hiệu lực mà không đề nghị gia hạn)	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật quản lý ngoại thương về hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
III	Lĩnh vực Hóa chất	
4	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm.	Thông tư số 37/2020/TT-BCT thay thế Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định Danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa

IV	Lĩnh vực công nghiệp địa phương	
5	Thành lập mới cụm công nghiệp	Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương
6	Mở rộng cụm công nghiệp	
IV	Lĩnh vực quản lý năng lượng	
7	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình năng lượng có ảnh hưởng đến an toàn, lợi ích cộng đồng	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
8	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình năng lượng được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách: vốn nhà nước ngoài ngân sách (có cấp điện áp đến 110kV)	
9	Thủ tục cấp mới thẻ an toàn điện	
V	Lĩnh vực Điện	
10	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện (khi thay đổi bậc an toàn của người lao động)	- Nghị định của Chính phủ số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; - Thông tư số 05/2021/TT-BTC ngày 02/8/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.
11	Thủ tục cấp lại thẻ an toàn điện (khi người lao động bị mất, hỏng)	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại (TTHC cấp xã/phường/thị trấn)	Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
2	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	
3	Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	